TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2024/DS-PT Ngày: 12 - 01 - 2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 574/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Hoàng K, sinh năm 1992; cư trú tại: C khu V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc Đ là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2021, ông Nguyễn Quốc Đ có hỏi vay của ông Lâm Hoàng K số tiền 230.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 03 ngày và có làm giấy vay tiền. Lúc ông Đ vay tiền có thế chấp cho ông

K 01 (bản gốc) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02828, số thửa 130, tờ bản đồ số 17, diện tích còn lại theo giấy là 832m^2; đất tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện P do ông Đ đứng tên và 01 (bản gốc) sổ hộ khẩu của gia đình ông Đ. Từ lúc vay đến nay phía ông Đ chưa trả vốn, lãi lần nào. Nay ông K yêu cầu ông Đ trả vốn là 230.000.000 đồng và lãi suất tạm tính 1,66%/tháng x 17 tháng 19 ngày = 67.311.340 đồng. Tổng số tiền là 297.311.340 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định yêu cầu ông Đ trả tiền gốc 230.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/ năm, tính kể từ ngày 21/6/2021 đến ngày 01/11/2022 (theo đơn khởi kiện) là 16 tháng 11 ngày, với số tiền lãi làm tròn là 31.366.000 đồng. Tổng số tiền là 261.366.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của Hòa giải viên lập ngày 19/8/2022, ông Nguyễn Quốc Đ trình bày:

Ông không có vay của ông Lâm Hoàng K số tiền 230.000.000 đồng và chữ ký trong giấy nhận nợ không phải là chữ ký của ông mà người khác giả mạo để vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định không còn nợ tiền ông K. Tuy trước đây ông có vay tiền của ông K khoảng 15-16 lần, lần đầu vay 5.000.000 đồng, có thế chấp giấy tờ xe và chứng minh nhân dân nhưng sau đó ông đã trả nợ xong và ông đã lấy giấy tờ lại; từ đó về sau mỗi lần vay là 10.000.000 đồng và số tiền vay lần cuối cùng ông cũng trả xong nên không còn nợ ông K; về trình tự vay, sau khi trả xong nợ đợt trước thì ông K mới cho vay đợt sau, mỗi lần vay ông K đều có viết "Giấy vay tiền" cho ông ký nhưng ông không có đọc nội dung, còn sau khi ông trả tiền thì không có buộc bên ông K viết giấy nhận tiền. Còn đối với "Giấy vay tiền" lập ngày 20/6/2021 ông thừa nhận chữ ký và chữ viết tên là của ông nhưng nội dung văn bản không phải do ông viết nên ông không thừa nhận số tiền 230.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 130, tờ bản đồ số 17 theo sơ đồ thửa đất đúng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông nhưng ông không có thế chấp cho ông K, mà giấy này ông thế chấp cho người khác và ông cũng không biết vì sao ông K có được giấy chứng nhận này. Còn đối với sổ hộ khẩu là em của ông thế chấp cho ông K, chứ ông không có thế chấp cho ông K.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm trả cho ông Lâm Hoàng K số tiền 261.366.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Buộc nguyên đơn giao nộp cho Cơ quan Thi hành án dân sự 01 (bản gốc) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02828, số thửa 130, tờ bản đồ số 17, diện tích còn lại theo giấy là 832m^2; đất tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện P do ông Đ đứng tên và 01 (bản gốc) sổ hộ khẩu của gia đình ông Đ, để Cơ quan Thi hành án dân sự trả lại cho bị đơn khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc Đ phải chịu 13.068.000 đồng (Mười ba triệu không trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Ông Lâm Hoàng K được nhận lại tiền tạm ứng án phí 7.433.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số 0007961 ngày 06/06/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 20 tháng 9 năm 2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định không còn nợ tiền nguyên đơn. Đối với giấy vay tiền là do phía nguyên đơn ghi, bị đơn thừa nhận có ký tên vào trong giấy vay tiền nhưng không biết nội dung trong đó. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 230.000.000 đồng. Đồng thời, nếu như bị đơn trả nợ gốc thì nguyên đơn tự nguyện giảm phần tiền lãi cho bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, cũng như giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu cho bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Bị đơn thừa nhận đã ký tên vào giấy vay tiền nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, bản án sơ thẩm giải quyết là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày nếu như bị đơn trả nợ gốc thì nguyên đơn tự nguyện giảm phần tiền lãi cho bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nên ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không tuyên bị đơn chịu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Toà án nhân dân huyện Phong Điền đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự kiện vay tiền và lập biên nhận, nguyên đơn xuất trình "Giấy vay tiền" ngày 20/6/2021. Bị đơn thừa nhận chữ ký trong biên nhận. Giấy vay tiền

này trở thành tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, nguyên đơn còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu của bị đơn. Như vậy, việc bị đơn vay tiền và lập biên nhận với nguyên đơn vào ngày 20/6/2021 là có thật.

[3] Xác định số tiền vay, nguyên đơn khai cho vay 230.000.000 đồng. Bị đơn khai chỉ vay lần sau cùng là 10.000.000 đồng và đã trả xong. Lời khai của bị đơn không có tài liệu chứng minh. Lời khai của nguyên đơn được chứng minh bởi nội dung giấy vay tiền. Việc bị đơn cho rằng mình không đọc nội dung giấy vay tiền để phủ nhận nội dung được ghi nhận trong đó là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ gốc 230.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu tính lãi, việc chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không tính lãi mà tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán thì chỉ yêu cầu trả tiền vốn là đã có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu do nguyên đơn đang giữ của bị đơn, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn khi bị đơn trả xong tiền cho nguyên đơn. Sự tự nguyện này của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm trả cho ông Lâm Hoàng K số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn: 01 (bản gốc) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02828, số thửa 130, tờ bản đồ số 17, diện tích còn lại theo giấy là 832m^2; đất tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện P do ông Đ đứng tên và 01 (bản gốc) sổ hộ khẩu của gia đình ông Đ, để Cơ quan Thi hành án dân sự trả lại cho bị đơn khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc Đ phải chịu 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Lâm Hoàng K được nhận lại

tiền tạm ứng án phí 7.433.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007961 ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp theo biên lai thu số 0001607 ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, coi như bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.